

SINH KẾ VÀ CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ CỦA NHÓM NGƯỜI MƯỜNG DI CƯ Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đinh Thị Yến⁽¹⁾, Lê Thị Ngọc Anh⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài 17/10/2019; Ngày gửi phản biện 05/11/2019; Chấp nhận đăng 20/01/2020

Liên hệ email: yendt@tdmu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2020.01.009>

Tóm tắt

Trong lực lượng lao động di cư đến Bình Dương những năm gần đây có một bộ phận người Mường – một dân tộc ít người chủ yếu sinh sống ở miền núi phía Bắc Việt Nam. Chúng tôi muốn nghiên cứu khả năng hòa nhập của người Mường trong đời sống kinh tế xã hội tại Bình Dương xem họ có tạo ra được chiến lược sinh kế bền vững và hòa nhập xã hội hay không. Tiếp cận lý thuyết sinh kế bền vững và phương pháp nghiên cứu liên ngành giữa nhân học và địa lý học, bài viết phân tích sinh kế và quá trình chuyển đổi sinh kế của người Mường sống ở Bình Dương. Kết quả cho thấy người Mường đã chuyển đổi sinh kế từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang đa dạng các chiến lược sinh kế. Quá trình này tuy có gặp một số khó khăn ban đầu nhưng đa số người Mường đã vượt qua và hòa nhập tốt trong đời sống kinh tế, xã hội ở Bình Dương hiện nay.

Từ khóa: *Bình Dương, người Mường di cư, sinh kế bền vững*

Abstract

LIVELIHOODS AND LIVELIHOOD TRANSFORMATION OF MUONG IMMIGRANTS IN BINH DUONG PROVINCE

Muong people in Binh Duong today are the ethnic minority who migrated from the Northern Mountains. This study examines whether they can create a sustainable livelihood strategy to integrate into the socio-economic life in Binh Duong. Approaching sustainable livelihood theory and interdisciplinary research, this study examines their livelihood and livelihood transition. The findings showed that the Muong people have transformed their livelihoods from pure agricultural production to different strategies. It was difficult for them to transform their traditional livelihoods, but they have integrated in Binh Duong society.

1. Đặt vấn đề

Trong hơn ba thập kỷ qua, sinh kế bền vững được xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Các thuật

ngữ “sinh kế”, “đa dạng sinh kế”, “chiến lược sinh kế” hay “sinh kế bền vững”..., được bàn đến rất nhiều với mục đích tạo nên sự phát triển ổn định cho những cư dân bị hạn chế hay yếu kém về các điều kiện phát triển kinh tế, chưa có cuộc sống ổn định. Trong đó, vấn đề “sinh kế bền vững” (*Sustainable livelihoods*) được nhiều học giả trên thế giới và Việt Nam đặc biệt quan tâm nghiên cứu về lý thuyết lẫn ứng dụng thực tiễn (Anthony Bebbington, 1999; Frank Ellis, 2000; Tim Hanstad, Robin Nielsen and Jennifer Brown, 2004); DFID, 2006; Robert Chambers 1994; Ashley and Carney, 1999; Paulo Filipe, 2005, Nguyễn Văn Sửu, 2014... Bảo Huy, 2005; Ngô Thị Phương Lan, 2017...). Nghiên cứu này ứng dụng lý thuyết sinh kế bền vững (*sustainable livelihoods theory*) để phân tích quá trình chuyển đổi sinh kế của người Mường di cư đến sinh sống tại Bình Dương.

Người Mường là một dân tộc thiểu số định cư chủ yếu ở miền núi phía Bắc tuy nhiên vì cuộc sống khó khăn và bất ổn trong chiến lược sinh kế đã thúc đẩy họ di cư đến nhiều địa phương trong cả nước trong đó có tỉnh Bình Dương. Đến nay, người Mường đã trở thành thành phần dân cư đông thứ 5 trong 24 tộc người thiểu số ở Bình Dương với 897 người, sau người Hoa, Khmer, Tày và Nùng. Quá trình sinh sống và hội nhập theo thời gian đã thay đổi các đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của người Mường, đặc biệt là sinh kế của đồng bào. Chính vì vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi lập luận rằng quá trình di cư đến tỉnh Bình Dương sinh sống buộc người Mường phải chuyển đổi các phương thức sinh kế để có cuộc sống ổn định và hòa nhập xã hội. Để thực hiện điều này, nhiều hộ gia đình đã dựa vào các nguồn vốn nhằm thực hiện đa dạng, mở rộng sinh kế và chuyển dịch sang các chiến lược sinh kế mới có tính chất bền vững hơn. Quá trình hòa nhập của họ trên vùng đất mới gặp nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn mặc dù chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương luôn tạo mọi điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ về mặt kinh tế cũng như hòa nhập xã hội.

2. Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu

Trong cộng đồng 54 dân tộc ở Việt Nam, người Mường là tộc người có số dân đông thứ tư (1.268.963 người, năm 2009), sau người Kinh, người Tày và người Thái. Địa bàn cư trú của tộc người Mường khá tập trung ở các tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ và miền tây Thanh Hóa. Người Mường được các nhà khoa học trong nước và nước ngoài quan tâm nghiên cứu ở nhiều khía cạnh khác nhau về nguồn gốc cũng như đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội. Trong tổng số 112 công trình (69 bài viết đăng trên tạp chí và 42 quyển sách đã xuất bản) mà chúng tôi tiếp cận được thì những công trình nghiên cứu tổng thể về người Mường gồm các tác giả tiêu biểu như: Jeanne Cuisinier, 1995; Bùi Tuyết Mai, 2001; Vũ Tuấn Huy, 1998; Bùi Tuyết Mai, 1999; Nguyễn Thị Thanh Nga, 2003; Nguyễn Hải, 2011; Trần Từ, 2012... Nghiên cứu về nguồn gốc tộc người có các học giả: Nguyễn Lương Bích, 1974; Phạm Đăng Nhật, 1974; Hà Văn Tấn, Phạm Đức Dương, 1975; Lâm Bá Nam, 1998; Nguyễn Chí Tuyên, 2000; Tạ Đức, 2013... những

công trình này đã phân tích, chứng minh nguồn gốc của người Mường và mối quan hệ tộc người trong nhóm ngôn ngữ Việt – Mường. Về chuyên sâu trong từng lĩnh vực như văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa tổ chức xã hội có rất nhiều chuyên gia: Trần Huy Vọng, 2009, 2010, 2011, 2015, 2016; Nguyễn Ngọc Thanh, 1997, 2003, 2007; Nguyễn Thị Thanh Nga, 2003, 2007; Hoàng Anh Nhân, 2010, 2018; Nguyễn Thị Song Hà, 2009, 2010, 2017; Lê Thị Hiền, 2018... Ngoài những công trình này còn có rất nhiều luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ và khóa luận tốt nghiệp đã được hiện trên toàn quốc ở các khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội của người Mường.

Trong khi những nghiên cứu về người Mường ở miền núi phía Bắc rất được quan tâm với rất nhiều công trình thì người Mường di cư vào khu vực phía Nam lại rất ít, chỉ có ba nghiên cứu, trong đó có hai công trình ở Đắk Lắk của Võ Thị Mai Phương với *“Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa qua hôn nhân của người Mường (Nghiên cứu trường hợp người Mường ở Hòa Bình và Đắk Lắk)”* và Lương Thị Thu Hằng: *“Hôn nhân của người Mường ở Đắk Lắk”*. Ở Bình Dương chỉ có một bài viết của Tác giả Trần Hạnh Minh Phương đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một: *Di dân người dân tộc thiểu số và vấn đề văn hóa – xã hội Bình Dương ngày nay*. Công trình này giới thiệu khái quát về vấn đề văn hóa – xã hội của 19 tộc người di cư ở Bình Dương trong đó có người Mường. Các nghiên cứu này cùng với những nghiên cứu chuyên sâu về tộc người ở phía Bắc nước ta đã cho gợi mở ý tưởng cho nghiên cứu này.

Với những nguồn tài liệu có được, chúng tôi nghiên cứu khả năng hòa nhập của người Mường trong đời sống kinh tế xã hội tại Bình Dương tiếp cận từ hướng sinh kế và chuyển đổi sinh kế. Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật điền dã tại các địa bàn có người Mường sinh sống như xã An Linh, Phước Sang của huyện Phú Giáo; xã Trừ Văn Thố, Cây Trường II của huyện Bàu Bàng; xã Thanh Tuyền, Định An, Minh Thạnh của huyện Dầu Tiếng. Trong quá trình điền dã, chúng tôi đã thực hiện 22 cuộc phỏng vấn sâu: 17 đối với người Mường và 5 đối với chính quyền địa phương. Những thông tin và số liệu mà chúng tôi có được là sự kết hợp giữa điền dã, phỏng vấn với số liệu điều tra tổng quát của Bảo tàng Bình Dương năm 2012 và báo cáo của Ủy Ban nhân dân các cấp ở Bình Dương năm 2017.

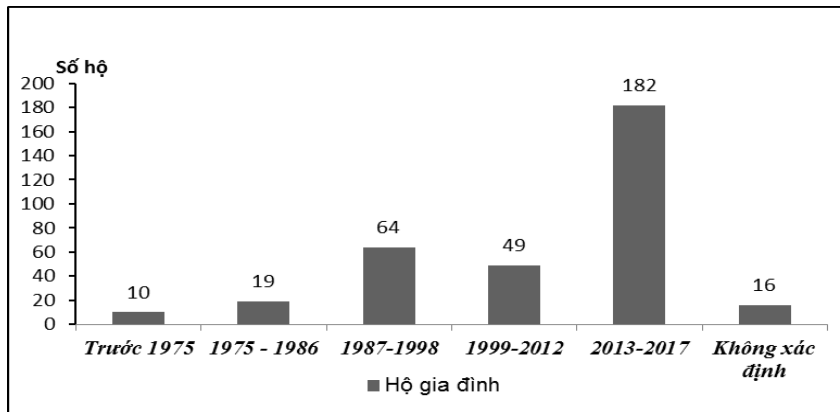
2. Kết quả và thảo luận

2.1. Người Mường di cư ở Bình Dương

Quá trình định cư và địa bàn cư trú:

Người Mường di cư đến Bình Dương đến từ nhiều tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam. Theo kết quả điều tra năm 2012 của Bảo tàng tỉnh Bình Dương, người Mường đến từ tỉnh Thanh Hóa có số lượng lớn nhất 81 hộ chiếm 52.3% tỷ lệ hộ điều tra, số lượng đông thứ 2 là tỉnh Hòa Bình với 27 hộ chiếm 17.1%. Đây là các tỉnh xuất cư trùng hợp với vùng phân bố người Mường truyền thống ở Việt Nam. So sánh giữa các tỉnh xuất cư – nhập cư cho

thấy sự tác động của khoảng cách địa lý khi lực hút đến Bình Dương của nhóm người Mường ở Thanh Hóa lớn hơn cộng đồng người Mường còn lại ở phía bắc Việt Nam như Hòa Bình, Phú Thọ.



Biểu đồ 1. Quá trình định cư của các hộ gia đình người Mường ở Bình Dương từ 1960 – 2017
(Nguồn: Bảo tàng tỉnh Bình Dương, 2012 và UBND tỉnh Bình Dương, 2017)

Thời gian người Mường di cư đến Bình Dương trải qua nhiều thời kỳ khác nhau. Ngoài một số chủ hộ gia đình sinh sống từ nhỏ không xác định được thời điểm định cư (16 hộ), trường hợp người Mường di cư đến tỉnh Bình Dương sớm nhất vào năm 1960 (quê Thanh Hóa) (Kết quả điều tra Bảo tàng tỉnh Bình Dương, 2012). Nhóm người Mường đến định cư trước 1975 chiếm số lượng khá thấp (10 hộ) chủ yếu từ Thanh Hóa. Trong giai đoạn từ 1975 đến trước khi đổi mới 1986 có 19 hộ. Cộng đồng người Mường đến định cư cho đến thời điểm này chủ yếu rời đi từ Thanh Hóa và tập trung ở các huyện khu vực phía bắc tỉnh Bình Dương. Hoạt động chủ yếu các gia đình là sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề không ổn định như làm thuê. Sau năm 1986 cho đến năm 1999, người Mường có sự chuyển cư khá nhiều với 64 hộ đến sinh sống chủ yếu ở Phú Giáo. Nhóm dân di cư đến trong thời kỳ này chủ yếu từ Thanh Hóa ngoài ra còn có Hòa Bình và một số tỉnh khác như Hà Tây, Phú Thọ. Từ sau 1999 đến thời điểm điều tra năm 2012, trong tỉnh đã xuất hiện các luồng di cư đến với quy mô lớn ở vùng trung tâm phía nam tuy nhiên lực hút của khu vực này đối với người Mường lại khá thấp, chỉ có 49 hộ dân di cư đến và địa bàn lựa chọn định cư cũng tập trung ở vùng nông nghiệp là Dầu Tiếng và Tân Uyên. Như vậy, cho đến năm 2012 cộng đồng người Mường chỉ có 158 hộ với thời gian di cư trải dài, rải rác và hoạt động trong nông nghiệp là chính, địa điểm người Mường lựa chọn định cư nhiều nhất cũng ở khu vực phía bắc tỉnh Bình Dương. Giai đoạn 2013 – 2017 đã bắt đầu xuất hiện số lượng người Mường di cư đến khá đông và mở rộng vùng phân bố về các khu vực công nghiệp phía nam như Dĩ An, Thuận An. Trong vòng 5 năm đã tăng thêm 182 hộ gia đình người Mường với 254 người đưa cộng đồng người Mường trở thành nhóm dân tộc thiểu số có số lượng đông thứ năm toàn tỉnh sau người Hoa (15266 người), Khmer (4705 người), Tày (1001 người), Nùng (941 người) (UBND tỉnh Bình Dương, 2017).

Quá trình di cư của người Mường đến Bình Dương đã trải qua các giai đoạn với sự biến động về vùng phân bố, số lượng khác nhau. Nhiều người Mường đã chọn Bình Dương là điểm dừng chân cuối cùng trong hành trình tìm kiếm nơi sinh sống sau khi rời quê hương và trải qua định cư ở nhiều tỉnh khác. Qua phỏng vấn một số gia đình người Mường cho biết sau khi rời Thanh Hóa, Hòa Bình thì người dân đã vào Tây Nguyên sinh sống, sau đó chuyển từ Tây Nguyên xuống Bình Dương. Với con đường di chuyển như thế, việc lựa chọn nơi định cư của phần lớn người Mường ở Bình Dương trước năm 2012 là khu vực phía bắc gần với vùng Tây Nguyên hơn cũng là điều có thể lý giải.

Một số đặc điểm nhân khẩu học của người Mường ở Bình Dương

Quy mô dân số người Mường trên địa bàn tỉnh Bình Dương có sự thay đổi theo thời gian với xu hướng tăng dần số lượng. Năm 2012, tỉnh Bình Dương có 158 hộ với tổng số dân là 643 người phân bố trên 7 huyện, thị xã và thành phố (Bảo tàng tỉnh Bình Dương, 2012). Tuy nhiên từ năm 2012 đến 2017, quy mô và phân bố người Mường trong tỉnh Bình Dương đã có sự thay đổi mạnh mẽ. Theo bảng 1, đến tháng 12/2017 người Mường đã tăng lên 350 hộ với quy mô 897 người phân bố rải rác khắp 9 huyện, thị xã và thành phố ở Bình Dương. Thị xã Thuận An có số lượng hộ lớn nhất với 56 hộ với 121 người (chiếm 16% tỷ lệ hộ gia đình người Mường toàn tỉnh); huyện Bàu Bàng có 53 hộ, 96 người (chiếm 16%); huyện Phú Giáo có 49 hộ, 159 người (chiếm 17.7%); Thủ Dầu Một có 39 hộ, 109 người (chiếm 11.1%); Dầu Tiếng có 48 hộ, 132 người (chiếm 13.7%); Tân Uyên 33 hộ, 118 người (chiếm 9.4%); Bắc Tân Uyên 29 hộ, 81 người (chiếm 8.3%); thị xã Dĩ An có 28 hộ, 38 người (chiếm 8%). Địa phương có số lượng hộ gia đình thấp nhất toàn tỉnh là thị xã Bến Cát với 15 hộ, 43 người (chiếm 4.3%).

Vùng phân bố người Mường từ khi xuất hiện định cư ở Bình Dương đến năm 2012 có thể chia thành hai khu vực chính. Khu vực phía bắc tỉnh Bình Dương với cụm huyện Phú Giáo, Dầu Tiếng và Bến Cát tập trung đa số các hộ gia đình sinh sống với 120 hộ (chiếm 75.9 %) và 476 người (chiếm 74%) trong tổng số người Mường toàn tỉnh. Đây là khu vực có diện tích rộng lớn, dân số phân bố thưa thớt và vẫn còn phổ biến hoạt động nông nghiệp. Khu vực đô thị phía nam với hoạt động công nghiệp – dịch vụ phát triển, dân cư tập trung đông đúc bao gồm Dĩ An, Thuận An, Thủ Dầu Một, Tân Uyên lại tập trung rất ít người Mường chỉ với 38 hộ với 167 người (chiếm 24.1% số hộ và 26% số người Mường ở Bình Dương). Từ sau năm 2012 đến nay, vùng phân bố của người Mường ở tỉnh Bình Dương đang có xu hướng điều chỉnh, giảm bớt sự phân hóa. Người Mường không còn tập trung phân bố ở khu vực phía bắc mà bắt đầu có sự dịch chuyển về phía nam làm cho phạm vi cư trú mở rộng khắp các huyện/thị/thành phố trong tỉnh. Từ năm 2012 đến tháng 12/2017 khu vực phía bắc chỉ tăng 30 hộ gia đình trong khi khu vực phía nam tăng đến 96 hộ (UBND tỉnh Bình Dương, 2017). Như vậy, các hộ gia đình người Mường di cư đến Bình Dương từ sau năm 2012 chủ yếu chọn khu vực phía nam làm nơi cư trú. Chính sự thay đổi về hướng di cư ở tỉnh Bình Dương của người Mường đã thu hẹp sự chênh lệch số người Mường giữa các khu vực. Năm 2017,

khu vực phía bắc tỉnh Bình Dương gồm Bến Cát, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phú Giáo có 165/350 hộ gia đình; khu vực phía nam gồm Dĩ An, Thuận An, Thủ Dầu Một có 123/350 hộ gia đình, mức độ chênh lệch phân bố người Mường giữa khu vực phía bắc và phía nam không còn lớn. Việc thay đổi nơi sinh sống của người Mường có mối quan hệ chặt chẽ với đặc điểm kinh tế xã hội của hai khu vực và lựa chọn nghề nghiệp.

Bảng 1. Quy mô và phân bố người Mường tỉnh Bình Dương năm 2017

STT	Huyện/Thị/TP	HỘ GIA ĐÌNH		SỐ NGƯỜI		Bình quân người trong gia đình
		Số hộ	% cơ cấu	Số người	% cơ cấu	
1	Thủ Dầu Một	39	11.1	109	12.2	2.8
2	Dầu Tiếng	48	13.7	132	14.7	2.8
3	Bến Cát	15	4.3	43	4.8	2.9
4	Bàu Bàng	53	15.1	96	10.7	1.8
5	Phú Giáo	49	14.0	159	17.7	3.2
6	Tân Uyên	33	9.4	118	13.2	3.6
7	Bắc Tân Uyên	29	8.3	81	9.0	2.8
8	Thuận An	56	16.0	121	13.5	2.2
9	Dĩ An	28	8.0	38	4.2	1.4
10	<i>Tổng số</i>	350	100	897	100	2.6

(Nguồn: UBND tỉnh Bình Dương, 2017)

Kết cấu gia đình của người Mường khá đơn giản, hộ gia đình có quy mô ít nhất 1 người (Dầu Tiếng – công nhân) và đông nhất 10 người (Thủ Dầu Một – cán bộ viên chức) tuy nhiên đây là những gia đình có số lượng rất ít. Phổ biến trong nhóm người Mường là quy mô gia đình từ 2-3 người. Số hộ gia đình có 2 người chiếm tỷ lệ cao nhất (36.7%) và kế tiếp là quy mô gia đình 3 người (25.9 %) (Bảo tàng tỉnh Bình Dương, 2012). Các gia đình có quy mô lớn từ 6 đến 10 người cũng chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ khoảng 5.7%. Qua dữ liệu thống kê năm 2017, quy mô gia đình của người Mường cũng thể hiện xu hướng phân hóa giữa các khu vực kinh tế. Ở khu vực phía bắc tỉnh Bình Dương nơi có hoạt động nông nghiệp diễn ra phổ biến có quy mô hộ gia đình lớn với bình quân trên 3 người/hộ gia đình như Tân Uyên có 3,6 người/hộ; Phú Giáo có 3.2 người/hộ. Ở khu vực phía nam với hoạt động công nghiệp, dịch vụ diễn ra mạnh mẽ có quy mô hộ gia đình nhỏ hơn với bình quân khoảng 2 người/hộ gia đình như Dĩ An có 1.4 người/hộ; Thuận An có 2.2 người/hộ (bảng 1).

Như vậy, có thể nhận thấy quy mô gia đình của người Mường di cư khá nhỏ, ít người. Điều này phù hợp với các đặc trưng về quy mô gia đình của người chuyển cư, số lượng ít và chủ yếu là người trong độ tuổi lao động.

2.2. Sinh kế và chuyển đổi sinh kế của người Mường ở Bình Dương

Sinh kế truyền thống của người Mường

Hoạt động sinh kế truyền thống của người Mường trên vùng lãnh thổ tộc người ở miền núi phía Bắc chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa và hoa màu. Bên cạnh đó, nghề chăn nuôi, làm vườn, săn bắt, khai thác các sản phẩm từ thiên nhiên và thủ công nghiệp là những ngành kinh tế hỗ trợ cho nông nghiệp sản xuất.

Với vị trí là ngành kinh tế chủ đạo, nông nghiệp chú trọng vào trồng lúa ruộng và lúa nương. Lúa được xem là cây lương thực chủ yếu, là nguồn sống chính của người Mường. Bên cạnh cây lúa, người Mường còn trồng hoa màu, rau quả, cây công nghiệp như luồng, gai, đay, quế, cây thuốc, trầu, sò, những loại cây này thường mang lại giá trị kinh tế tương đối cao. Để phục vụ cho trồng trọt, các nghi lễ, lễ hội và cơ cấu bữa ăn nên chăn nuôi đã được duy trì ở hầu hết các gia đình người Mường như là một phương thức sinh kế tất yếu bên cạnh trồng trọt.

Một loại hình kinh tế không thể thiếu đối với cư dân sống gần rừng núi là săn bắt, đánh cá, hái lượm. Hoạt động kinh tế này không đem lại nguồn sống chính cho họ nhưng lại rất quan trọng, vì nó luôn được kết hợp với sản xuất, bảo vệ nương rẫy. Sinh kế khai thác còn cung cấp thức ăn hàng ngày như các loại rau, quả, củ, bột báng, các loại nấm, mật ong hay các loại thủy sản giàu chất đạm như cá, tôm... Trong quá trình tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, người Mường còn khai thác gỗ, bương, tre, nứa, song mây, lá nón... bán cho thương lái, mang lại một nguồn thu nhập đáng kể cho họ trong thời gian nông nhàn (Viện Dân tộc học, 2014).

Đối với người Mường, thủ công nghiệp cũng là một nghề truyền thống có nhiều sản phẩm đặc trưng. Các sản phẩm thủ công nghiệp từ dệt, đan lát công cụ, gia cụ chủ yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đời sống hàng ngày, một phần dùng để làm vật trao đổi. Trong đó, dệt trang phục mà đặc biệt là dệt cặp váy hoa với các loại hoa văn hình rồng, phượng, chim, thú và hoa văn hình học là công phu, mất nhiều thời gian nhất, đồng thời đòi hỏi phải có một trình độ nhất định. Chính cặp váy với họa tiết các loại hoa văn đã thể hiện nét đặc trưng trong văn hóa của người Mường (Trần Từ, 2012)

Sinh kế truyền thống của người Mường tại các vùng lãnh thổ của tộc người ở phía Bắc là như vậy. Tuy nhiên khi di cư vào miền Nam mà cụ thể là Bình Dương, người Mường đã thay đổi chiến lược sinh kế của mình để hòa nhập và thích nghi với môi trường sống mới.

Chuyển đổi sinh kế của người Mường ở Bình Dương

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế xã hội tỉnh Bình Dương theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa đã kéo theo xu thế tất yếu chuyển đổi các hoạt động sinh kế của người dân. Đối với người Mường, trước đây sản xuất lúa được xem là nguồn sống chính. Hiện nay, họ đã chuyển sang trồng cây công nghiệp, làm công nhân và một số ngành nghề

khác như thợ xây, buôn bán nhỏ, một số rất ít là công nhân viên chức nhà nước.

Lý giải cho sự thay đổi này là những khác biệt về tiếp cận các nguồn vốn sinh kế. *Thứ nhất*, sự thay đổi về tiếp cận nguồn vốn tự nhiên mà cụ thể là môi trường sinh thái và đất sản xuất. Theo lý thuyết sinh thái văn hóa của J.Steward thì sự biến đổi văn hóa là kết quả của quá trình thích ứng của các nền văn hóa với môi trường sinh thái địa phương (Stanley Barrett, 2009). Vì vậy, sự thay đổi về môi trường sống, môi trường sinh thái, sự thay đổi về cách quản lý và khai thác đất đai – vốn tự nhiên của tỉnh Bình Dương đã dẫn đến sự thay đổi cách thức canh tác. Địa hình và đất sản xuất ở đây phù hợp với các loại cây công nghiệp như điều, cao su và hồ tiêu. Điều kiện sản xuất tự nhiên này đã tác động làm thay đổi hệ tri thức bản địa liên quan đến kinh tế truyền thống của tộc người này, từ đó họ phải tiếp cận một hệ tri thức mới để phù hợp với thay đổi hoạt động kinh tế trong một môi trường mới. *Thứ hai*, Bình Dương là một trong những địa phương năng động trong phát triển kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp – dịch vụ. Các khu, cụm công nghiệp với hàng ngàn nhà máy, xí nghiệp được đầu tư xây dựng khắp các huyện, thị, thành phố, những vốn vật chất của tỉnh đã ảnh hưởng đến việc lựa chọn sinh kế cho một phần không nhỏ người Mường định cư tại đây. *Thứ ba là vốn xã hội*, tính đa tộc người trong cộng đồng cũng là nhân tố quan trọng góp phần thay đổi hoạt động kinh tế truyền thống của người Mường. Khu vực Bình Dương hiện nay là địa bàn cư trú của 24 tộc người, các mối quan hệ xã hội đan xen và giao thoa tiếp biến văn hóa lẫn nhau. Đây cũng là yếu tố dẫn đến sự thay đổi về hoạt động sinh kế truyền thống của các tộc người sống tại khu vực này.

Theo kết quả khảo sát của Ban Dân tộc, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương năm 2017, chúng tôi đã xử lý số liệu thành bảng tổng hợp các loại hình kinh tế của chủ hộ người Mường hiện nay bao gồm:

Bảng 2. Nghề nghiệp của chủ hộ gia đình người Mường năm 2017

STT	Địa phương	Nghề nghiệp theo chủ hộ gia đình		
		Nông nghiệp	Công nhân	Nghề khác
1	Phú Giáo	32	9	10
2	Dĩ An	0	26	2
3	Bến Cát	5	8	2
4	Bàu Bàng	15	32	6
5	Dầu Tiếng	26	9	13
6	Tân Uyên	0	33	0
7	Bắc Tân Uyên	4	21	4
8	Thủ Dầu Một	1	28	10
9	Thuận An	0	49	5
10	Tổng	83	215	52

(Nguồn: UBND tỉnh Bình Dương, 2017)

Cơ cấu nghề nghiệp của các chủ hộ người Mường năm 2017 cho thấy phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương. Các huyện phía bắc có nhiều đất trồng và nền kinh tế nông nghiệp phát triển như Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bàu Bàng có tỷ lệ số hộ

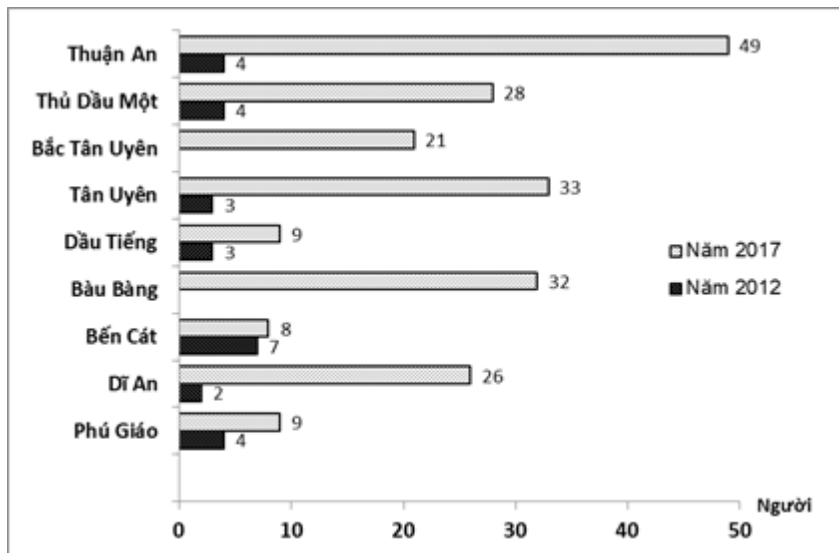
làm nông nghiệp rất cao. Ở các thành/thị phát triển công nghiệp như Thủ Dầu Một, Tân Uyên, Dĩ An, Thuận An, Bến Cát các hộ chủ yếu làm công nhân và dịch vụ.

Đối với kinh tế nông nghiệp, các hộ người Mường nhanh chóng kết nối xã hội với các tộc người xung quanh trong sản xuất. Họ được mạng lưới xã hội từ chính quyền địa phương, người thân, bạn bè, láng giềng hỗ trợ, giúp đỡ về vấn đề kỹ thuật, các kinh nghiệm trong việc trồng cây công nghiệp dài ngày như cao su, tiêu, điều. Chính vì vậy, từ nguồn vốn con người giàu kinh nghiệm trong việc trồng lúa, thì người Mường đã kết hợp trồng lúa với cây cao su trong những mùa vụ đầu. Sau đó, họ chuyển sang chuyên canh công nghiệp mà cao su là được lựa chọn nhiều nhất *“Khi mới vào, chúng tôi mua đất rồi trồng lúa như ở quê, sau hai-ba vụ chúng tôi được mọi người hướng dẫn trồng xen canh. Khi cây cao su lớn lên thì không trồng lúa và hoa màu nữa”* chị P.T.M ở Phú Giáo đã chia sẻ. Như vậy, từ nguồn vốn xã hội dễ dàng tiếp cận, người Mường đã kết nối được với thương lái để đảm bảo các khâu sản xuất và đầu ra cho sản phẩm. Hiện nay, giá cao su thấp nhưng đối với người Mường, cao su là loại cây dễ trồng, dễ bán và có năng suất tương đối ổn định hơn việc trồng lúa và hoa màu.

Mặc dù là sản xuất nông nghiệp nhưng không phải gia đình nào cũng có đất canh tác. Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi năm 2018, số hộ người Mường có đất canh tác chủ yếu tập trung ở các huyện phía Bắc có tỉ lệ phân bố dân cư thấp như các xã An Linh, Phước Sang (Phú Giáo); Trừ Văn Thố (Bàu Bàng), xã Định An (Dầu Tiếng). Trong đó, hộ có đất sản xuất từ 2-6 ha chiếm 20.7% (11/53 hộ), từ 1-2 ha chiếm 28.3% (15/53) và có 3/8 hộ nghèo trong 4 đơn vị xã nêu trên không có đất ở cũng như đất sản xuất. Những chủ hộ khác có đất sản xuất dưới 1 ha (kết quả nghiên cứu tháng 12/2018).

Vậy, nguồn vốn tự nhiên là đất ở và đất sản xuất mà họ có được từ đâu? Đối với những người di cư theo chính sách nhà nước thì sẽ được cấp đất ở nhưng trong trường hợp nghiên cứu của chúng tôi chỉ có một hộ định cư tại xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng thuộc diện này. Các hộ còn lại đều di cư tự do vào các thời điểm khác nhau, chủ yếu là sau năm 1990. Khi đến Bình Dương, không còn quỹ đất để khai thác và người Mường cũng không được thừa kế từ bất kỳ ai mà phải mua lại từ đất ở cho đến đất sản xuất từ các chủ sở hữu trước đó. Từ nguồn vốn đất đai có được, học đã chuyển đổi sinh kế và chuyên canh cây công nghiệp đã đem đến cuộc sống từ ổn định đến sung túc cho một số hộ gia đình người Mường di cư tại Bình Dương.

Bên cạnh trồng trọt là chăn nuôi nhưng hình thức sinh kế này chưa được chú trọng ở các hộ người Mường. Việc xem nó như một chiến lược sinh kế chỉ xuất hiện tại ba gia đình trong nghiên cứu của chúng tôi. Hai gia đình nuôi gà thả vườn với số lượng trên 100 con, một gia đình nuôi cá và cá sấu với số lượng lớn. Lợi nhuận từ việc nuôi cá được chủ hộ Đ.C. S ở xã Phước Sang, Phú Giáo đánh giá rất cao, trung bình mỗi năm lãi khoảng gần 100 triệu. Rất tiếc, mô hình này chưa được nhân rộng trong cộng đồng người Mường ở Bình Dương.



Biểu đồ 2. So sánh số lượng chủ hộ gia đình người Mường làm công nhân năm 2012 và 2017
(Nguồn: Báo tăng Bình Dương, 2012 và UBND tỉnh Bình Dương, 2017)

Chuyển đổi chiến lược sinh kế thứ hai là từ nông dân sang làm công nhân. Số lượng hộ là công nhân theo kết quả điều tra của Bảo tàng tỉnh Bình Dương năm 2012 là 27/158 hộ (17.1%). Tuy nhiên, con số này năm 2017 là 215/350 hộ (chiếm 61.4 %) (Biểu đồ 2). Đây là sự tăng trưởng rất nhanh, một sự chuyển đổi mạnh mẽ trong sinh kế của người Mường. Chỉ trong 5 năm (2012 – 2017) đã có thêm 168 hộ làm công nhân trong khi đó suốt 37 năm (1975-2012) chỉ có 27 hộ thực hiện hình thức mưu sinh này. Các vùng đô thị, nơi tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp có số hộ người Mường làm công nhân nhiều hơn ở các huyện phía bắc, và Bình Dương luôn được biết đến là địa phương có sự gia tăng dân số cơ học cao nhất cả nước trong những năm qua. Những cư dân sống ở vùng nông thôn, miền núi cũng như người Mường đã rời quê hương đến Bình Dương làm việc trong các công ty, xí nghiệp và chọn nơi này là quê hương thứ hai của họ. Qua các cuộc phỏng vấn, lý do người Mường chọn Bình Dương làm nơi định cư vì ở đây có bà con, đồng hương của họ. Những người đi trước đã khẳng định một tương lai tươi sáng đối với những di dân trên vùng đất này. Theo chị C.T. T (sinh năm 1982, quê Thanh Hóa), định cư ở Dầu Tiếng: “*Hồi ở quê, mình có mấy người bà con xa sống trong này từ năm 1990, họ nói vào trong này xin làm công nhân, lương cao mà khỏe người, nên năm 2007 mình vào đây. Mình đi làm công nhân 5 năm, đến cuối năm 2012 vợ chồng tôi về Dầu Tiếng sống gần anh trai của tôi. Khi còn làm công nhân ở Bến Cát, lương trung bình mỗi tháng khoảng 5 triệu. Nói thật là làm công nhân một tháng hơn làm một mùa ruộng ở quê. Do đó mà mấy năm vừa qua mấy đứa em ở ngoài quê nó cũng vào đây làm công nhân*” (Nhật ký điền dã tháng 12 năm 2018).

Vốn xã hội từ người thân, họ hàng, đồng hương cũng là lý do mà anh B.V.B (sinh năm 1980, quê Thanh Hóa), đến định cư ở Phú Giáo: “*Ở quê vất vả quá, gia đình chúng tôi được người bà con ở Sài Gòn hướng dẫn vào Bình Dương sống. Ở Phú Giáo lại có*

mấy người ở quê vào từ mấy chục năm trước, họ cũng bảo trong này dễ sống hơn nên tôi đưa gia đình vào đây sống cũng khoảng 15 năm rồi. Tôi đi làm công nhân từ thời đó, giờ lương của tôi khoảng 10 triệu một tháng. Trong công ty tôi làm có rất nhiều người Mường, họ mới vào 3- 4 năm nay thôi. Vì đồng lương cũng được, khoảng 7 triệu, nếu tăng ca cũng gần 9 triệu, mấy người đó cũng lập gia đình rồi mua đất, xây nhà ở Phú Giáo luôn” (Nhật ký điền dã tháng 3 năm 2019). Như vậy, qua diễn ngôn của hai trường hợp trên cùng với các cuộc phỏng vấn khác đã lý giải lý do tại sao người Mường lại chọn Bình Dương làm nơi định cư lâu dài.

Ngoài hoạt động nông nghiệp và công nghiệp, người Mường còn chuyển từ nông nghiệp sang các ngành kinh tế khác nhưng có tỷ lệ thấp (bảng 2). Công việc khá đa dạng từ nội trợ đến thợ hồ, các hoạt động kinh tế phi chính thức như làm thuê, trông cháu, phụ giúp con cháu cho đến công nhân viên chức nhà nước. Thực hiện loại hình sinh kế này thường là những người không có đất sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, tại Bình Dương các công việc phi chính thức dễ tìm, dễ thực hiện và không bị ràng buộc nên được một số người Mường yếu thế lựa chọn. Số người Mường làm việc trong Nhà nước không nhiều nhưng chính sách thu hút nhân tài, vấn đề tuyển dụng rộng rãi và công khai, minh bạch của tỉnh trong thời gian vừa qua đã thu hút lao động tri thức chọn Bình Dương xây dựng sự nghiệp.

Xuất phát từ những người nông dân trồng lúa và hoa màu, người Mường di cư tại Bình Dương đã chuyển đổi, đa dạng hóa các chiến lược sinh kế sang trồng cây công nghiệp, làm công nhân và các hình thức sinh kế khác. Dù ở lĩnh vực sinh kế nào thì cuộc sống hiện tại vẫn được họ tự đánh giá là cao hơn nhiều so với trước đây. Trong quá trình tìm kiếm chiến lược sinh kế bền vững và hòa nhập cộng đồng, người Mường đã gặp được nhiều thuận lợi nhưng cũng ít khó khăn.

Những thuận lợi là, người Mường có đức tính cần cù, chịu khó và tinh thần ham học hỏi, xem trọng việc giáo dục với bằng chứng là tất cả trẻ em trong độ tuổi đến trường đều được đi học. Một số gia đình đầu tư cho con học và tìm học bổng để đi du học nước ngoài. Điều này sẽ là cơ hội lớn về tìm kiếm việc làm trong tương lai và đáp ứng nhu cầu xã hội toàn cầu trong cũng như chiến lược xây dựng thành phố Bình Dương thông minh. Quá trình phát triển và mở rộng các khu, cụm công nghiệp tạo nên thị trường lao động hấp dẫn, lao động phổ thông là người Mường có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm trong các nhà máy, xí nghiệp. Chính quyền tỉnh luôn tạo mọi điều kiện để đào tạo nghề cho con em đồng bào dân tộc. Mở các lớp tập huấn, đào tạo kỹ thuật sản xuất, cải tiến giống cây trồng, vật nuôi cho đồng bào, đồng thời đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật làm cho tất cả các xã đạt chuẩn nông thôn mới. Các ngân hàng mở cửa, vấn đề xoay vốn sản xuất không còn khó. Đây là những thuận lợi cho việc kết nối với các mạng lưới xã hội nhằm nâng cao chất lượng và đầu ra cho sản phẩm trong sản xuất, giúp sản xuất của các hộ người Mường có sự đảm bảo chắc chắn. Đặc trưng văn hóa của người Bình Dương là tính hòa đồng, cởi mở, hào hiệp tạo môi trường thuận

lợi cho người Mường dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn để phát triển sinh kế bền vững và hòa nhập cộng đồng.

Những khó khăn gồm: những người làm công nhân phần lớn có trình độ học vấn thấp, họ sẽ gặp thách thức lớn bởi lực lượng lao động này sẽ trở nên lạc hậu trong thời đại công nghệ 4.0. Khi áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, máy móc thay thế sức lao động thủ công của con người thì họ sẽ mất việc làm, bất ổn sinh kế. Những gia đình sống ở các huyện phía bắc xa các khu công nghiệp, đất sản xuất ít, lại thiếu vốn tài chính và các nguồn vốn khác sẽ gặp trở ngại trong tìm kiếm việc làm và không có nguồn thu nhập ổn định. Đây là một thách thức trong việc xây dựng chiến lược sinh kế bền vững cho gia đình. Theo trào lưu của kinh tế thị trường, kinh tế nông hộ phải lệ thuộc vào sự vận hành của kinh tế thị trường, các diễn biến về giá cả từ vật tư sản xuất, giá nhân công, máy móc, tín dụng đến tiêu thụ sản phẩm. Người nông dân bươn chải sản xuất cá thể thiếu vốn, thiếu thông tin thị trường nên họ luôn bị bất bình đẳng so với các công ty sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh lớn. Dù ở xã hội hiện đại, cuộc sống cộng cư giữa các tộc người nhưng những định kiến xã hội về “lạc hậu, bừa bãi” vẫn xảy ra đối với một số gia đình người Mường. Đây cũng là yếu tố làm cho quá trình hòa nhập với xã hội xung quanh của tộc người trở nên khó khăn.

4. Kết luận

Người Mường đến Bình Dương từ rất nhiều tỉnh khác nhau ở phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Họ bắt đầu đến Bình Dương vào những năm sau giải phóng nhưng từ năm 2012 trở lại đây là nhiều nhất. Sống trên quê hương, người Mường chọn cây lúa làm cây lương thực chính, thế nhưng ở vùng đất mới chiến lược sinh kế của họ đã thay đổi hoàn toàn. Đối với những gia đình định cư cách nay khoảng trên 20 năm, họ có nương rẫy và cao su là cây trồng chính. Những gia đình định cư trong vòng 10 năm trở lại thì công nhân là nghề được đa số người chọn lựa vì dễ kiếm việc làm và thu thập ổn định. Số lượng người làm công nhân tăng đột biến trong vòng 4 năm qua, con số này tiếp tục tăng với tốc độ như vậy qua các báo cáo của huyện mà chúng tôi cập nhật được. Dù ở lĩnh vực nào, công nhân, nông dân hay các hoạt động kinh tế phi chính thức, người Mường cũng đều khẳng định cuộc sống hiện tại trên đất Bình Dương tốt hơn nhiều so với sống trên quê hương của họ. Chính vì vậy, luồng người di cư từ Bắc vào Nam mà Bình Dương là đích đến không chỉ người Mường mà tất cả các tộc người khác đang ngày càng tăng nhanh chóng. Lao động di cư rồi định cư đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhưng cũng là một thách thức lớn cho tỉnh Bình Dương trong quá trình quản lý, thực hiện các chính sách và xây dựng văn hóa, văn minh của đô thị Bình Dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] DFID's Sustainable Livelihoods Guidance Sheets, Retrieved on 4 September 2006 at (<http://www.nssd.net/references/SustLiveli/DFIDapproach.htm#Guidance>)
- [2] Tim Hanstad, Robin Nielsn and Jennifer Brown (2004). Land and livelihoods: Making land rights real for India's rural poor. LSP working paper 12. Rome: *Food and Agriculture Organization Livelihood Support Program*.
- [3] Stanley Barrett (2009). *Anthropology A Students Guide to Theory and Method*. University of Toronto Press, Canada, p.86
- [4] Bảo tàng tỉnh Bình Dương (2012). *Kết quả điều tra người Mường ở Bình Dương*, Bình Dương.
- [5] Phương Chi (2015). *Bình Dương thực hiện tốt công tác dân tộc*, <http://www.binhduong.gov.vn>. Truy cập ngày 15/7/2019.
- [6] Nguyễn Hải (2011). *Tản mạn văn hóa Mường Hòa Bình*. NXB Thông tin và Truyền thông, tr 90-114.
- [7] Bùi Văn Huyền (2013), “Quản lý Nhà nước đối với xuất khẩu lao động Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, 5, 2013, 79-87.
- [8] Trần Hạnh Minh Phương (2017). Di dân người dân tộc thiểu số và vấn đề văn hóa – xã hội ở Bình Dương hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, (33),33-41.
- [9] Trần Từ (2012). *Người Mường ở Hòa Bình*. NXB Thời Đại, tr.138-203.
- [10] Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (2018). *Báo cáo thống kê các dân tộc thiểu số Bình Dương 2017*.
- [11] Viện Dân tộc học (2014). *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*. NXB Khoa học Xã hội, Tr. 111
- [12] Nguyễn Ngọc Thanh (2009). *Tri thức bản địa của người Mường trong sử dụng và quản lí tài nguyên thiên nhiên*. NXB Khoa học Xã hội.